

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/DS-ST

Ngày: 14/7/2022

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đào Vi;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thị Thanh Nhàn;

2. Bà Trần Thị Thanh xuân.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Trương Bảo Long, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa:** Ông Lê Văn Đông, Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 331/2021/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2022/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 117/2022/QĐST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Huế giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q; địa chỉ: Tầng 1 và tầng 2 Tòa nhà S, số 111A đường P, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh;

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V, chức vụ: Tổng giám đốc.

- Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thu H1, chức vụ: Giám đốc trung tâm quản lý nợ ngân hàng bán lẻ; địa chỉ liên lạc: Tầng 06, tòa nhà P số 26 đường U, phường 25, quận B, thành phố Hồ Chí Minh (Theo giấy ủy quyền số 27869.20 ngày 04/01/2021);

- Người được ủy quyền lại: Ông Đặng Văn T, chức vụ: Cán bộ Ngân hàng TMCP Q; ông Trần Hữu T1, chức vụ: Cán bộ Ngân hàng TMCP Q và ông Trương Võ Văn Q, chức vụ: Cán bộ Ngân hàng TMCP Q; địa chỉ liên hệ: Số 208 đường L, phường V, quận K, thành phố Đà Nẵng, ông T1 và ông Q đều vắng mặt, ông T có mặt,;

* Bị đơn: Bà Trần Thị Lệ H, sinh năm 1974 và ông Đặng Phương N, sinh năm 1973; cùng địa chỉ: Số 122 đường Dương Văn An, phường Xuân Phú, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, phía nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng TMCP Q) trình bày:

Ngày 25/8/2017, bà Trần Thị Lệ H và ông Đặng Phương N có ký kết với Ngân hàng TMCP Q hợp đồng tín dụng số 243.HDTD408.17. Theo đó, Ngân hàng TMCP Q cho bà H, ông N vay số tiền 660.000.000 đồng, mục đích vay vốn: mua xe ô tô nhãn hiệu Mazda CX5, biển kiểm soát 75A-XXX.YY, thời hạn vay 96 tháng kể từ ngày 26/8/2017, lãi suất tại thời điểm giải ngân 8.09%/năm. Mức lãi suất quy đổi từ cơ sở một năm có 360 ngày sang cơ sở một năm có 365 ngày là 8.02%/năm. Đây là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng 01 lần bằng lãi suất cơ sở cộng (+) biên độ 3,99%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Ngày 14/9/2017, bà Trần Thị Lệ H và ông Đặng Phương N có ký kết với Ngân hàng TMCP Q hợp đồng tín dụng số 256.HDTD408.17. Theo đó, Ngân hàng TMCP Q cho bà H, ông N vay số tiền 50.000.000 đồng, mục đích giải ngân: Tiêu dùng; thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày 15/9/2017 đến ngày 14/9/2022, lãi suất tại thời điểm giải ngân 11.59%/năm. Mức lãi suất quy đổi từ cơ sở một năm có 360 ngày sang cơ sở một năm có 365 ngày là 11.75%/năm. Lãi suất này sẽ được VIB chủ động điều chỉnh 03 tháng 01 lần bằng lãi suất cơ sở cộng (+) biên độ 3,99%/năm. Hoàn trả khoản vay gốc vào ngày 10 hàng tháng. Ngày trả gốc đầu tiên là ngày 10/10/2017 với số tiền 834.000 đồng/tháng. Hoàn trả lãi vào ngày 10 hàng tháng; ngày trả nợ đầu tiên là 10/10/2017; trả phí theo quy định của Ngân hàng TMCP Q từng thời kỳ; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Ngày 25/6/2017, Ngân hàng TMCP Q phát hành thẻ tín dụng cho khách hàng Trần Thị Lệ H và Đặng Phương N theo đề nghị phát hành thẻ quốc tế kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 25/6/2019.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, bà Trần Thị Lệ H và ông Đặng Phương N đã thế chấp xe ô tô nhãn hiệu Mazda, số loại CX5, biển kiểm soát 75A-XXX.YY. Đối với tài sản bảo đảm này, Ngân hàng TMCP Q đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật. Hiện Ngân hàng TMCP Q chưa xử lý tài sản bảo đảm trên và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản bảo đảm này. Lý do không rõ tài sản này hiện do ai đang quản lý, sử dụng và hiện trạng của tài sản như thế nào.

Thực hiện hợp đồng, khách hàng đã nhận đủ số tiền theo đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 234.KUNN408.17 ngày 25/8/2017 với số tiền 660.000.000 đồng và theo đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 256.KUNN408.17 ngày 14/9/2017. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà H và ông N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết mặc

dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở. Do bà H, ông N vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết nên ngày 10/7/2021 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay sang nợ quá hạn. Tính đến nay bà H và ông N đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q số tiền gốc và lãi tổng cộng là 591.815.882 đồng. Trong đó thanh toán theo hợp đồng tín dụng số 243.HDTD408.17 ngày 25/8/2017 với số tiền gốc là 320.464.998 đồng, lãi là 218.943.892 đồng; thanh toán theo hợp đồng tín dụng số 256.HDTD408.17 ngày 14/9/2017 với số tiền gốc là 37.530.000 đồng, lãi là 14.876.992 đồng.

Nay, ngân hàng khởi kiện yêu cầu buộc bà H, ông N phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q toàn bộ khoản nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 14/7/2022 là 544.447.048 đồng. Trong đó nợ gốc là 382.065.810 đồng, nợ lãi trong hạn là 27.190.386 đồng, lãi quá hạn là 62.657.876 đồng, phí sử dụng thẻ là 72.532.976 đồng. Cụ thể theo các hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng như sau:

Dư nợ theo hợp đồng tín dụng số 243.KUNN408.17 ngày 25/8/2017 là 409.266.155 đồng, trong đó nợ gốc là 339.535.002 đồng, lãi trong hạn là 9.280.189 đồng, lãi quá hạn là 60.450.964 đồng;

Dư nợ theo hợp đồng tín dụng 256.HDTD408.17 ngày 14/9/2017 là 14.886.654 đồng, trong đó nợ gốc là 12.470.000 đồng, lãi trong hạn là 209.742 đồng, lãi quá hạn là 2.206.912 đồng;

Dư nợ thẻ tín dụng theo đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 25/6/2019 là 30.060.808 đồng, nợ lãi trong hạn là 17.700.455 đồng, nợ phí thẻ là 72.532.976 đồng.

Buộc bà Trần Thị Lệ H và ông Đặng Phương N phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 15/7/2022 cho đến khi bà H, ông N thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo lãi suất quy định tại các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản đã ký kết với Ngân hàng.

Không yêu cầu giải quyết tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mazda, số loại CX5, biển kiểm soát 75A-XXX.YY.

Bị đơn là ông Đặng Phương N tại bản tự khai ngày 07/12/2021 trình bày: Ông và vợ là bà Trần Thị Lệ H có ký kết với Ngân hàng TMCP Q hợp đồng tín dụng số 234.KUNN408.17 ngày 25/8/2017; hợp đồng tín dụng số 256.HDTD408.17 ngày 14/9/2017. Ngoài ra vào ngày 25/6/2019 vợ ông là bà Trần Thị Lệ H có ký kết với Ngân hàng TMCP Q Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 25/6/2019 để vay số tiền như Ngân hàng TMCP Q đã nêu. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông, bà vẫn trả nợ đúng theo như cam kết với Ngân hàng. Tuy nhiên, kể từ tháng 03/2021 do tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, công việc làm ăn khó khăn nên ông, bà đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Ông N công nhận còn nợ của ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 05/12/2021 là 456.508.845 đồng, trong đó:

Dư nợ theo hợp đồng tín dụng số 234.KUNN408.17 ngày 25/8/2017 là 368.225.649 đồng, trong đó nợ gốc là 339.535.002 đồng, lãi trong hạn là 9.557.638 đồng, lãi quá hạn là 19.133.009 đồng;

Dư nợ theo hợp đồng tín dụng 256.HDTD408.17 ngày 14/9/2017 là 13.507.918 đồng, trong đó nợ gốc là 12.470.000 đồng, lãi trong hạn là 326.304 đồng, lãi quá hạn là 711.614 đồng;

Dư nợ thẻ tín dụng theo đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 25/6/2019 là 74.775.278 đồng, trong đó nợ gốc là 27.074.389 đồng, nợ lãi là 9.746.781 đồng, nợ phí là 37.954.108 đồng.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, vợ chồng ông đã thế chấp tài sản là xe ô tô nhãn hiệu Mazda, số loại CX5, biển kiểm soát 75A-XXX.YY.

Nay Ngân hàng TMCP Q khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông, bà phải thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ và lãi suất thì ông đề nghị ngân hàng tạo điều kiện gia hạn cho ông, bà thêm thời gian để trả nợ. Ông thông nhất với ý kiến của Ngân hàng TMCP Q là không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu Mazda, số loại CX5, biển kiểm soát 75A-XXX.YY.

Bị đơn là bà Trần Thị Lệ H, trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án nhưng bà H vẫn không đến. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai, không thể lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo thủ tục tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự; về tố tụng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 để tiến hành phiên tòa vắng mặt bị đơn; về nội dung: Đề nghị căn cứ Điều 58, Điều 262; khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 280, 282, 463, 466, khoản 1 Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trần Thị Lệ H và ông Đặng Phương N phải trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 14/7/2022 là 544.447.048 đồng. Trong đó nợ gốc là 382.065.810 đồng, nợ lãi trong hạn là 27.190.386 đồng, lãi quá hạn là 62.657.876 đồng, phí sử dụng thẻ là 72.532.976 đồng. Cụ thể theo các hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng như sau:

Dư nợ theo hợp đồng tín dụng số 243.KUNN408.17 ngày 25/8/2017 là 409.266.155 đồng, trong đó nợ gốc là 339.535.002 đồng, lãi trong hạn là 9.280.189 đồng, lãi quá hạn là 60.450.964 đồng;

Dư nợ theo hợp đồng tín dụng 256.HDTD408.17 ngày 14/9/2017 là 14.886.654 đồng, trong đó nợ gốc là 12.470.000 đồng, lãi trong hạn là 209.742 đồng, lãi quá hạn là 2.206.912 đồng;

Dư nợ thẻ tín dụng theo đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 25/6/2019 là 30.060.808 đồng, nợ lãi trong hạn là 17.700.455 đồng, nợ phí thẻ là 72.532.976 đồng.

Buộc bà Trần Thị Lệ H và ông Đặng Phương N phải thanh toán số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 15/7/2022 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Q theo lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký kết; nguyên đơn không yêu cầu giải quyết tài sản bảo đảm nên đề nghị HĐXX không xem xét; về án phí: Buộc bà Trần Thị Lệ H và ông Đặng Phương N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về tố tụng: Bị đơn là bà Trần Thị Lệ H và ông Đặng Phương N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

* Về số tiền nợ: Bà Trần Thị Lệ H và ông Đặng Phương N đã ký kết với Ngân hàng TMCP Q hợp đồng tín dụng số 243.HDTD408.17 ngày 25/8/2017 để vay số tiền 660.000.000 đồng; hợp đồng tín dụng số 256.HDTD408.17 ngày 14/9/2017 để vay số tiền 50.000.000 đồng và đề nghị phát hành thẻ quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 25/6/2019. Theo đó, Ngân hàng TMCP Q đã giải ngân cho bà H, ông N số tiền vay theo như các hợp đồng đã ký kết. Xét các hợp đồng tín dụng và đề nghị phát hành thẻ quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản mà bà Trần Thị Lệ H, ông Đặng Phương N và Ngân hàng TMCP Q đã ký kết là hoàn toàn tự nguyện, tuân thủ đúng quy định của pháp luật về nội dung lẫn hình thức, nên đây là các giao dịch dân sự hợp pháp.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Trần Thị Lệ H và ông Đặng Phương N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã cam kết, nên vào ngày 10/7/2021, Ngân hàng TMCP Q đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến nay, bà H, ông N vẫn chưa thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

Do bà H, ông N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nên Ngân hàng TMCP Q khởi kiện yêu cầu ông, bà có nghĩa vụ thanh toán ngay số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 14/7/2022 là 544.447.048 đồng. Trong đó nợ gốc là 382.065.810 đồng, nợ lãi trong hạn là 27.190.386 đồng, lãi quá hạn là 62.657.876 đồng, phí sử dụng thẻ là 72.532.976 đồng. Cụ thể theo các hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng như sau:

Dư nợ theo hợp đồng tín dụng số 243.KUNN408.17 ngày 25/8/2017 là 409.266.155 đồng, trong đó nợ gốc là 339.535.002 đồng, lãi trong hạn là 9.280.189 đồng, lãi quá hạn là 60.450.964 đồng;

Dư nợ theo hợp đồng tín dụng 256.HDTD408.17 ngày 14/9/2017 là 14.886.654 đồng, trong đó nợ gốc là 12.470.000 đồng, lãi trong hạn là 209.742 đồng, lãi quá hạn là 2.206.912 đồng;

Dư nợ thẻ tín dụng theo đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 25/6/2019 là 30.060.808 đồng, nợ lãi trong hạn là 17.700.455 đồng, nợ phí thẻ là 72.532.976 đồng.

Buộc bà Trần Thị Lệ H và ông Đặng Phương N phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 15/7/2022 cho đến khi bà H, ông N thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo lãi suất quy định tại các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản đã ký kết với Ngân hàng.

Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên cần chấp nhận.

* Về tài sản thế chấp: Ngân hàng không khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết đối với hợp đồng thế chấp tài sản là chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mazda, số loại CX5, biển kiểm soát 75A-XXX.YY. Quá trình giải quyết vụ án ông N thống nhất với ý kiến của Ngân hàng TMCP Q, bà H không có ý kiến gì đối với việc giải quyết tài sản thế chấp nêu trên. Do vậy, Tòa án chỉ xem xét, giải quyết vụ án trong phạm vi khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Lệ H và ông Đặng Phương N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật: $[20.000.000 \text{ đồng} + (4\% \times (544.447.048 \text{ đồng} - 400.000.000 \text{ đồng}))] = 25.777.881 \text{ đồng}$ (Làm tròn số là 25.778.000 đồng).

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên nguyên đơn không phải chịu án phí, được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp;

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 280, 351, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam.

Buộc bà Trần Thị Lệ H và ông Đặng Phương N phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam số tiền còn nợ tính đến ngày 14/7/2022 là 544.447.048 đồng. Trong đó nợ gốc là 382.065.810 đồng, nợ lãi trong hạn là 27.190.386 đồng, lãi quá hạn là 62.657.876 đồng, phí sử dụng thẻ là 72.532.976 đồng. Cụ thể theo các hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng sau:

Dư nợ theo hợp đồng tín dụng số 243.KUNN408.17 ngày 25/8/2017 là 409.266.155 đồng, trong đó nợ gốc là 339.535.002 đồng, lãi trong hạn là 9.280.189 đồng, lãi quá hạn là 60.450.964 đồng;

Dư nợ theo hợp đồng tín dụng 256.HDTD408.17 ngày 14/9/2017 là 14.886.654 đồng, trong đó nợ gốc là 12.470.000 đồng, lãi trong hạn là 209.742 đồng, lãi quá hạn là 2.206.912 đồng;

Dư nợ thẻ tín dụng theo đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 25/6/2019 là 30.060.808 đồng, nợ lãi trong hạn là 17.700.455 đồng, nợ phí thẻ là 72.532.976 đồng.

Buộc bà Trần Thị Lệ H và ông Đặng Phương N phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 15/7/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vay theo lãi suất quy định tại các hợp đồng tín dụng đã ký kết.

2. Về án phí: Buộc bà Trần Thị Lệ H và ông Đặng Phương N phải chịu 25.778.000 đồng (Hai mươi lăm triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam được hoàn trả 10.613.000 đồng (Mười triệu sáu trăm mười ba nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000728 ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Huế.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự; được bổ sung theo Luật sửa đổi bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TT. Huế;
- VKSND TP. Huế;
- THADS TP. Huế;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu án;
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Đào Vi